TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 260/2026/DS-PT
Ngày: 03 - 4 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 814/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng P, sinh ngày: 01/01/1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường B, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1999. (Có mặt)

3. Ông Thái Trung N, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Thái V, sinh năm: 1998. (Vắng mặt)

5. Ông Dương Minh P1, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

6. Bà Võ Ngọc N1, sinh năm: 2001. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, khu V, đường N, phường B, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Ngọc Trường T, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

1.1. Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

1.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1999. (Có mặt)

1.3. Ông Thái Trung N, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

1.4. Ông Nguyễn Thái V, sinh năm: 1998. (Vắng mặt)

1.5. Ông Dương Minh P1, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

1.6. Bà Võ Ngọc N1, sinh năm: 2001. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

2. Nguyễn Ngọc Trường A, sinh năm: 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường N, phường N, thành phố Cần Thơ.

3. Dương Thúy N2, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường Đ, khu vực Bình Phó A, phường L, thành phố Cần Thơ.

4. Dương Hoàng T1, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, hẻm F, phường B, thành phố Cần Thơ.

5. Dương Hoàng Tuấn E, sinh năm: 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, khu V, đường N, phường B, thành phố Cần Thơ.

6. Nguyễn Thanh H2, sinh năm: 2006. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, khu V, đường N, phường B, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P, đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây, ông Dương Văn H3 (chồng bà Lê Thị H1 - đã chết) có cố đất (thửa đất tại địa chỉ: số B, Khu V, đường N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ) cho mẹ nguyên đơn là bà Dương Thoại L. Mỗi khi gia đình ông H3 cần

tiền, thì ông H3 tìm đến bà Dương Thoại L vay tiền và việc trên diễn ra nhiều lần. Sau đó số tiền nợ ngày càng nhiều, ông H3 quyết định bán lại thửa đất đã cố cho bà L tại địa chỉ số B, Khu V, đường N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ để thanh toán số tiền vay của ông H3. Việc này đều được cả hai bên gia đình xác nhận và đương nhiên đồng thuận. Sau một thời gian, ông H3 mất, thấy bà H1 (vợ ông H3) cao tuổi, ốm yếu và quen biết lâu năm, nên gia đình nguyên đơn để bà H1 tạm sinh sống trên mãnh đất có chỗ nương thân cũng như giữ đất cho mẹ nguyên đơn bà L.

Hiện nay, mẹ nguyên đơn - bà L đã qua đời. Dịch Covid nên gia cảnh khó khăn, nguyên đơn đại diện gia đình muốn lấy lại miếng đất. Cả hai trao đổi thì cũng thống nhất giao trả lại đất cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do vướng bận phần mộ của ông H3 nên cả hai vẫn chưa thống nhất.

Cụ thể vào ngày 11/12/2021 qua trao đổi được thừa phát lại ghi nhận như sau: Bà Lê Thị H1 (Tiềm) thừa nhận rằng trước đây có bán cho mẹ nguyên đơn (Dương Thoại L) diện tích đất ngang 3m x dài 17m thổ cư (đất tọa lạc tại Khu V, đường N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ). Nhưng do khi chồng bà H1 chết thì bà đã chôn cất ông H3 phía trước đất ngay tại vị trí mãnh đất ông H3 đã cố cho mẹ nguyên đơn. Nguyên đơn muốn bà H1 thực hiện đúng cam kết thỏa thuận bán đất và đồng ý hỗ trợ tiền di dời, bốc mộ.

Ngày 25/7/2022, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Lê Thị H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng đã thoả thuận giữa ông Dương Văn H3 (chồng bị đơn - đã chết) với bà Dương Thoại L (mẹ nguyên đơn - đã chết), cụ thể giao trả lại phần đất đã bán có diện tích 3 x 17 = 51 m^2 tại địa chỉ số B, Khu V, đường N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ để nguyên đơn và những người đồng thừa kế được hưởng di sản theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 26/9/2024, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Toà án giải quyết những nội dung gồm:

- Công nhận giao dịch chuyển nhượng giữa bà Dương Thoại L1 (mẹ nguyên đơn - đã chết) với hộ gia đình ông Dương Văn H3 (chồng bị đơn - đã chết) quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 49,7m^2 theo Bản trích đo địa chính số 29/TTKTTNMT ngày 05/01/2024 đối với thửa số 11, tờ bản đồ số 39 do UBND thành phố C cấp ngày 21/11/2003, tọa lạc tại Hương lộ B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Buộc bà Lê Thị H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng đã thỏa thuận giữa ông Dương Văn H3 (chồng bà H1 - đã chết) với bà Dương Thoại L (đã chết), cụ thể: Giao trả lại phần đất đã bán cho bà Dương Thoại L phần đất diện tích 49,7m^2 theo Bản trích đo địa chính số 29/TTKTTNMT ngày 05/01/2024 để nguyên đơn và những người đồng thừa kế được hưởng di sản theo đúng pháp luật.

- Nguyên đơn được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 11, tờ bản đồ số 39 do UBND

thành phố C cấp ngày 21/11/2003, tọa lạc tại Hương lộ B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn trình bày:

Chồng bà H1 là ông Dương Văn H3 có cầm cố cho bà Dương Thoại L đất 3m x 17m = 51m^2, số tiền 1.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 300.000 đồng, sau đó có mượn thêm 800.000 đồng, đóng lãi đến khi ông H3 mất. Sau khi ông H3 mất, gia đình đã chôn cất trên phần đất phía trước cạnh bên căn nhà, trên đất còn có 02 ngôi mộ của bố mẹ chồng và cốt của những người trong dòng họ. Gia đình nghèo không có tiền chuộc lại đất hương hỏa. Ý kiến của bị đơn: Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả tiền, cố bao nhiêu thì trả bấy nhiêu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Dương Thúy N2, Dương Hoàng T1, Dương Hoàng Tuấn E (con ruột của ông Dương Văn H3), Nguyễn Thanh H2 (cháu ngoại bà H1- đang ở cùng nhà bà H1): Thống nhất theo ý kiến của bị đơn, chỉ đồng ý trả lại tiền đã mượn, không đồng ý chuyển giao đất.

- *Đại diện của Nguyễn Ngọc Trường T và Nguyễn Ngọc Trường A* (con của bà Dương Thoại L): Thống nhất ý kiến của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Đại diện nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:*

+ Xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp hay yêu cầu thu thập thêm chứng cứ nào khác.

+ Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Không đồng ý việc bị đơn xin trả 40.000.000 đồng.

+ Đồng ý rút lại người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Ngọc D - Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C.

- *Đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thúy N2:* Không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, chỉ chấp nhận trả với giá 40.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ) tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng P đối với bị đơn là bà Lê Thị H1 về yêu cầu:

- Công nhận giao dịch chuyển nhượng giữa bà Dương Thoại L1 (mẹ đã mất) với hộ gia đình ông Dương Văn H3 (chồng bà H1 - đã chết) quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 49,7m^2 theo bản trích đo địa chính số 29/TTKTTNMT

ngày 05/01/2024 đối với thửa 11, tờ bản đồ số 39 do UBND thành phố C cấp ngày 21/11/2003, tọa lạc tại Hương lộ B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Buộc bà Lê Thị H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng đã thỏa thuận giữa ông Dương Văn H3 (chồng bà H1 - đã chết) với bà Dương Thoại L (đã chết), cụ thể: Giao trả lại phần đất đã bán cho mẹ tôi (Dương Thoại L) phần diện tích 49,7m^2 theo bản trích đo địa chính số 29/TTKTTNMT ngày 05/01/2024 đối với thửa 11, tờ bản đồ số 39 do UBND thành phố C cấp ngày 21/11/2003, tọa lạc tại Hương lộ B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ để tôi và những người đồng thừa kế được hưởng di sản theo đúng pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/6/2025, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng P kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Phần đất tranh chấp chỉ có tờ cố đất nhưng bị đơn đã thừa nhận có việc chuyển nhượng còn đến gia đình bà để thương lượng việc xin nhận lại đất. Bị đơn là người chỉ phần đất và thỏa thuận với nguyên đơn. Trong quá trình sử dụng bị đơn cất hàng rào lấn qua phần đất của nguyên đơn do đó yêu cầu đòi lại phần đất. Mẹ của nguyên đơn đã chuyển nhượng với ông H3, hai bên có thỏa thuận miệng. Do nguyên đơn không biết phải làm thủ tục công chứng nên giờ không có chứng cứ chứng minh. Theo nguyên đơn, bị đơn đã thừa nhận có chuyển nhượng nên cần phải công nhận việc chuyển nhượng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đối với phần đất tranh chấp mặc dù các bên chỉ thỏa thuận trên tờ cố đất, không ghi rõ vị trí đất nhưng bị đơn đã xác định vị trí đất là phần tranh chấp. Bị đơn có thừa nhận việc chuyển nhượng thực tế, dù ông H3 không phải người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H1 cũng xác nhận ông H3 là con duy nhất của ông N3 và bà T2, nên ông H3 có quyền chuyển nhượng đối với phần đất là tài sản thừa kế của ông N3 bà T2 để lại. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu đưa những người con của ông H3 và tham gia tố tụng và trích lục giấy khai tử của ông H3 nhưng cấp sơ thẩm không thực hiên. Từ đó đưa thiếu người tham gia tố tụng, xác minh chưa đầy đủ các tình tiết khách quan liên quan đến vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận có cố đất và thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông H3 và bà L là có thật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất. Ngoài ra, cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn tự nguyện giao số tiền cố đất 40.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý là chưa đúng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt là chưa có ý thức chấp hành pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm việc chấp hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã đảm bảo đúng quy định về việc yêu cầu cung cấp thông tin đối với những người liên quan đến vụ án và đã đưa họ vào tham gia tố tụng, còn những người khác đương sự không cung cấp được nên cấp sơ thẩm không có trách nhiệm phải đi thu thập. Nên việc nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là chưa đúng.

Xét về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P là không có căn cứ, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để cấp phúc thẩm xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng P có đơn kháng cáo hợp lệ và nộp trong thời hạn luật định theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, tuy nhiên những người này vẫn vắng mặt không lý do, các đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý xét xử vắng mặt họ, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến thủ tục cấp tống đạt đã hợp lệ nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn căn cứ Vi bằng số 273/2021/VB-TPLĐT ngày 12/12/2021 của Văn phòng T3 để yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông H3 với bà L đối với phần đất đang tranh chấp. Phía bị đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có lập "Tờ cố đất" được ký giữa bà Dương Thoại L và ông Dương Văn H3 ngày 29/11/2002.

[3.1] Xét về nguồn gốc đất và quyền sở hữu đối với phần đất tranh chấp: Căn cứ theo hồ sơ địa chính do Trung tâm C thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cung cấp phần đất tranh chấp người đăng ký quyền sử dụng đất gồm bà Dương Thị T2, sinh năm 1935 và ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1936; không có đồng sở hữu khác, nguồn gốc sử dụng đất do ông bà cho năm 1960 (bút lục số 91). Xác định, nguồn gốc đất của thửa 11, tờ bản đồ 39 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 298949, số vào sổ CH 01665 do Ủy ban

nhân dân thành phố C cấp cho hộ bà Dương Thị T2 ngày 21/11/2003. Như vậy, phần đất mà nguyên đơn yêu cầu là của hộ bà Dương Thị T2, không có tên của ông Dương Văn H3.

[3.2] Khi ông H3 không phải là chủ sử dụng đất thì ông không có quyền định đoạt với phần đất nên việc ông H3 dùng phần đất thuộc quyền sở hữu của bà Dương Thị T2, ông Nguyễn Văn N3 để cầm cố hay chuyển nhượng là không đúng chủ thể. Nếu trường hợp ông H3 có tên trong thành viên hộ ông H3 cũng không thể tự mình định đoạt đối với phần đất của hộ gia đình. Bà L biết đất không phải của ông H3 mà cầm cố hay chuyển nhượng là có phần lỗi của bà L.

[3.3] Mặt khác, xét nội dung tờ cố đất (bút lục số 46) ghi: *"tôi đứng tên là Dương Văn H3 ngụ tại số B KV6, tôi có cố đất cho cô Dương Thị L2 một số đất thổ cư bề ngang 3m dài 17m với số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) trong vòng một năm sẽ hoàn lại tiền vốn lẫn lời kể từ ngày ký tên có tổ trưởng tự quản chứng kiến"*. Nội dung tờ cố đất không xác định vị trí đất cố là ở đâu nên cũng không có cơ sở để xác định phần đất ông H3 cố là phần đất đang tranh chấp. Hơn nữa, phần đất này bị đơn vẫn sử dụng ổn định từ trước đến nay, trên phần đất có các phần mộ của gia đình bị đơn. Vì những lý do trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

[3.4] Xét về tính hợp pháp của tờ cố đất, nó không đảm bảo về chủ thể, không xác định đối tượng cụ thể nên không có hiệu lực. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn tự nguyện hoàn trả tiền cố đất tương đương 40.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên cấp sơ thẩm không giải quyết phần này là phù hợp.

[3.5] Ngoài những chứng cứ cung cấp ở cấp sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà P có đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà P2 đã nộp theo biên lai thu số 0000348 ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ) thành án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 03/4/2026).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mạc Thị Chiên